

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HSST
Ngày 25- 08- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tuấn;

2. Bà Đỗ Thị Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 08 năm 2022 đối với bị cáo:

Đ.T1. Q1, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2003; Nơi sinh: Huyện T2, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Q2, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Đặng Văn V1, sinh năm 1977; họ tên mẹ: Ngô Thị T4, sinh năm 1982; chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 155 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 09- 06- 2022; Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Ông N. V. T5, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn Q2, xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo và gia đình ông T5 ở cùng thôn, bị cáo thường sang nhà ông chơi; biết cụ L1 (bố ông T5) đã cao tuổi và bị dietic nặng. Với ý định trộm cắp tài sản nên hồi 08 giờ sáng ngày 02- 05- 2022, bị cáo đi bộ một mình đến nhà ông T5 vì biết khoảng thời gian này vợ chồng ông Thịnh vắng nhà. Khi này, tại sân nhà ông Thịnh để chiếc xe mô tô, nhãn hiệu **Honda Wave S, biển kiểm soát 17XXX, chìa khóa cắm trong ổ khóa; trên** xe có mũ bảo hiểm và áo mưa. Thấy cụ L1 đang ngồi trong nhà, đầu cúi xuống đọc sách nên bị cáo chào hỏi để thăm dò.

Không thấy cụ phản ứng, cụ không trả lời mà vẫn cúi xuống đọc sách nên bị cáo biết cụ không biết việc bị cáo đến nhà cụ. Bị cáo đi đến gần nơi để xe, cầm chiếc mũ bảo hiểm và áo mưa để lại; nhẹ nhàng dùng chân gạt chân chống xe; dong xe về dựng tại ngõ nhà bị cáo. Bị cáo vào nhà, lấy áo chống nắng mặc rồi quay ra nổ máy xe, điều khiển xe đến khu vực trước cổng trường Trung học phổ thông T6 mua hàng cho mình. Biết xưởng nắm gần nhà đã ngừng hoạt động, không có người nên bị cáo đã đưa xe đến xưởng nắm này để cất giấu nhằm che giấu việc trộm cắp. Sau khi cất giấu xe, bị cáo đi bộ về nhà. Buổi chiều cùng ngày, khi ông T5 gặp và hỏi bị cáo về chiếc xe thì bị cáo trả lời không biết nên ông đã trình báo Công an xã. Khi Công an triệu tập đến làm việc thì bị cáo đã khai nhận việc trộm cắp xe; chỉ nơi cất giấu. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe và sau đó trả cho ông T5. Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 13- 05- 2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T2 đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển kiểm soát 17XXX trị giá 5.400.000đồng.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Bản kết luận định giá tài sản; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Các bản ảnh; Biên bản tạm giữ tài sản, tài liệu, đồ vật; Báo cáo của Công an xã T3; Đơn trình báo, lời khai bị hại là ông T5 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển kiểm soát 17XXX đã được Cơ quan điều tra trả lại cho ông T5.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Do biết vợ chồng ông T5 đi vắng, nhà ông chỉ có cụ L1 ở nhà, biết cụ đã cao tuổi và bị di chứng nặng nên bị cáo có ý định trộm cắp chiếc xe của ông T5 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hồi 08 giờ sáng ngày 02- 05- 2022, bị cáo đi bộ một mình đến nhà ông T5. Khi này, tại sân nhà ông T5 để chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 17XXX, chìa khóa cắm trong ổ, trên xe để 01 mũ bảo hiểm và áo mưa. Bị cáo chào hỏi cụ L1 để thăm dò thì thấy cụ không có phản ứng gì, vẫn ngồi trong nhà, đầu cúi xuống đọc sách nên bị cáo biết cụ không biết việc bị cáo đến nhà cụ. Bị cáo đã trộm cắp chiếc xe bằng cách nhẹ nhàng dùng chân gạt chân chống xe; dong xe về dựng tại ngõ nhà bị cáo, mục đích để không ai biết bị cáo trộm cắp xe. Bị cáo chỉ trộm cắp xe mà không trộm cắp mũ bảo hiểm và áo mưa; không trộm cắp gì khác. Sau đó, bị cáo mặc áo chống nắng rồi quay ra nổ máy xe, điều khiển xe đến khu vực trước cổng trường Trung học phổ thông T6 mua hàng cho mình. Biết xưởng nắm gần nhà đã ngừng hoạt động, không có người nên bị cáo đã đưa xe đến cất giấu nhằm tránh bị phát hiện; sau đó đi bộ về nhà. Khi ông T5 hỏi thì bị cáo trả lời không biết để ông không biết bị cáo trộm xe. Khi Công an triệu tập bị cáo đến làm việc thì bị cáo đã khai nhận việc trộm cắp xe.

Bị hại là ông T5 trình bày: Sáng ngày 02- 05- 2022, ông dựng xe tại sân rồi đi chợ. Hồi 11 giờ, ông về nhà thì thấy mất xe. Buổi tối, ông gặp và hỏi bị cáo thì bị cáo nói không biết nên ông đến trình báo Công an xã. Ngoài chiếc xe thì ông không bị mất gì khác. Công an xã đã tìm được chiếc xe của ông đang cất giấu tại xưởng nắm gần nhà. Ông đã nhận lại tài sản, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản nào. Ông xác định: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn: Bó

mẹ đã ly hôn; từ nhỏ sống cùng ông bà ngoại; đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất; tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành người tốt.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKSTT ngày 05- 08- 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Kiểm sát viên đề nghị căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo trình bày: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phải sống cùng ông bà ngoại từ khi từ khi 18 tháng tuổi đến nay; hiện bố mẹ bị cáo đã ly hôn. Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Sáng ngày 02- 05- 2022, bị cáo đã trộm cắp chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 17XXX của ông T5 ở cùng thôn. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã trộm cắp chiếc xe mô tô trị giá 5.400.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân **huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”** theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.”.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo. Tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Bị cáo là người lao động, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4]. Về vật chứng, về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển kiểm soát 17XXX. Bị hại là ông T5 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản nào khác. Vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về các vấn đề khác: Nơi bị cáo cất giấu xe trộm cắp là xưởng nầm của anh N1. Khi đó, xưởng nầm đã ngừng hoạt động; anh N1 không biết hành vi của bị cáo. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Q1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Q1 mức hình phạt 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25 tháng 08 năm 2022.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

-Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Q1 cho Ủy ban nhân dân xã T3, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện nơi cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4). Về vật chứng, về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5). Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã Thụy Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Tòng